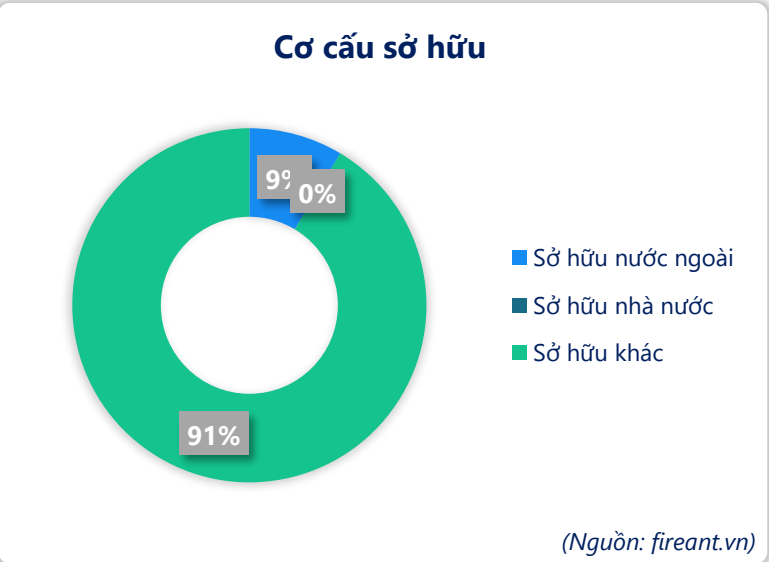
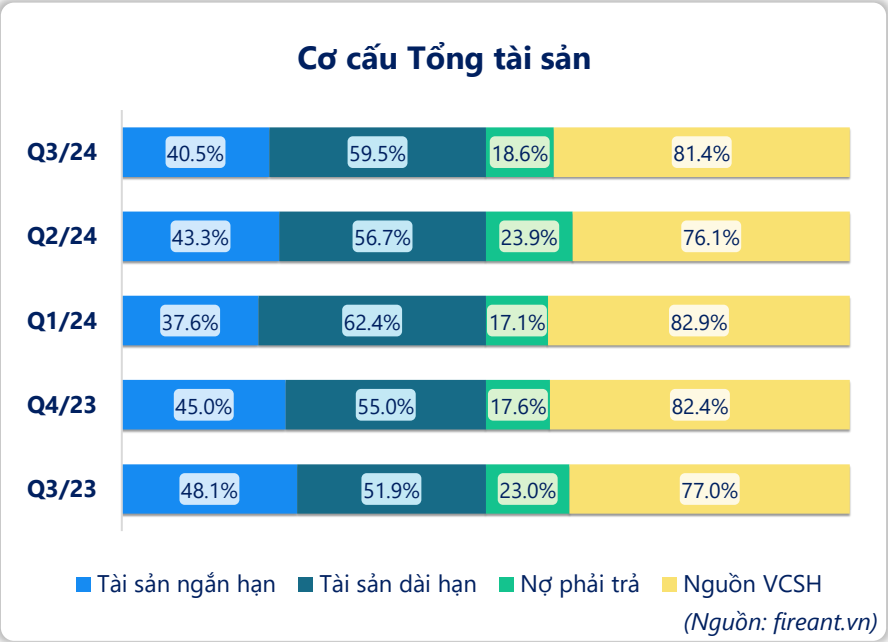
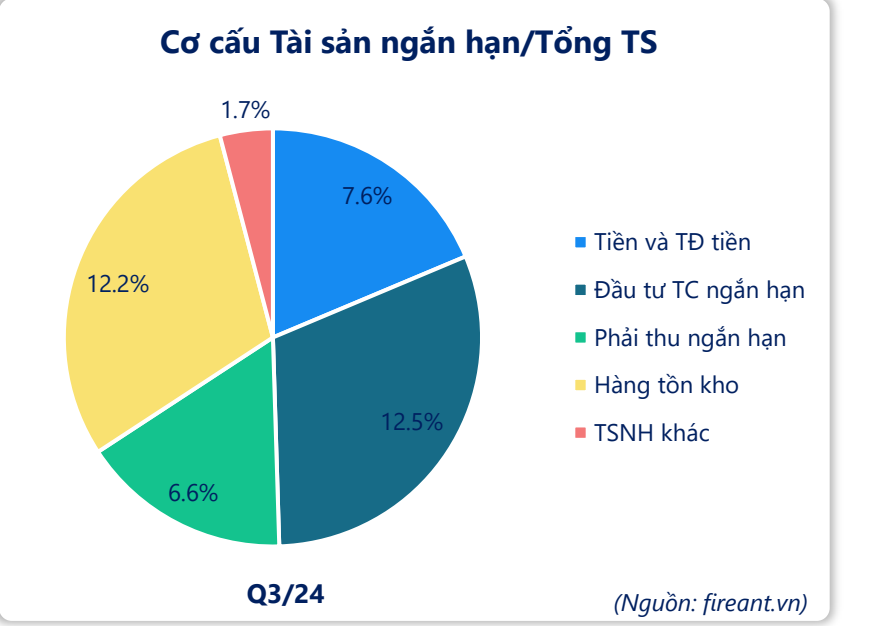
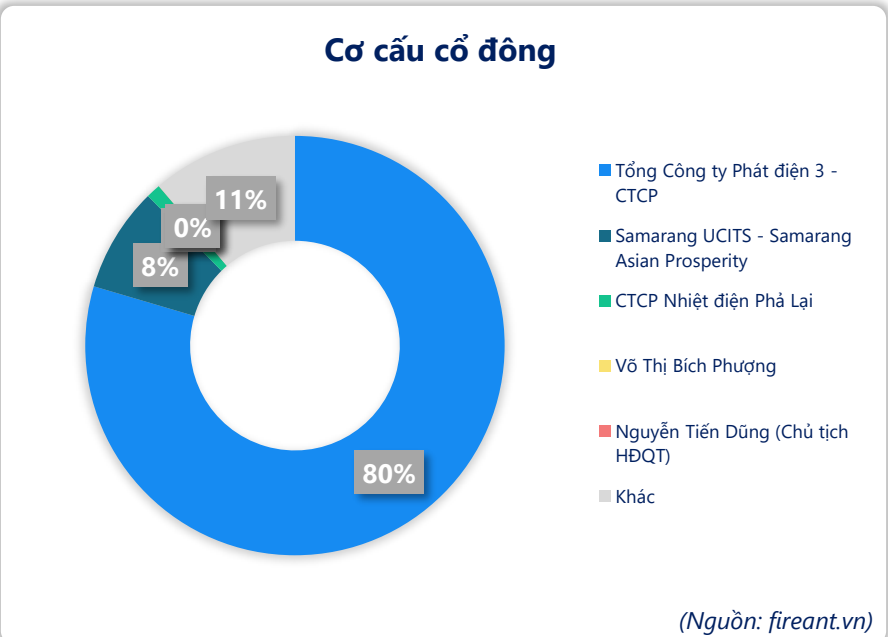
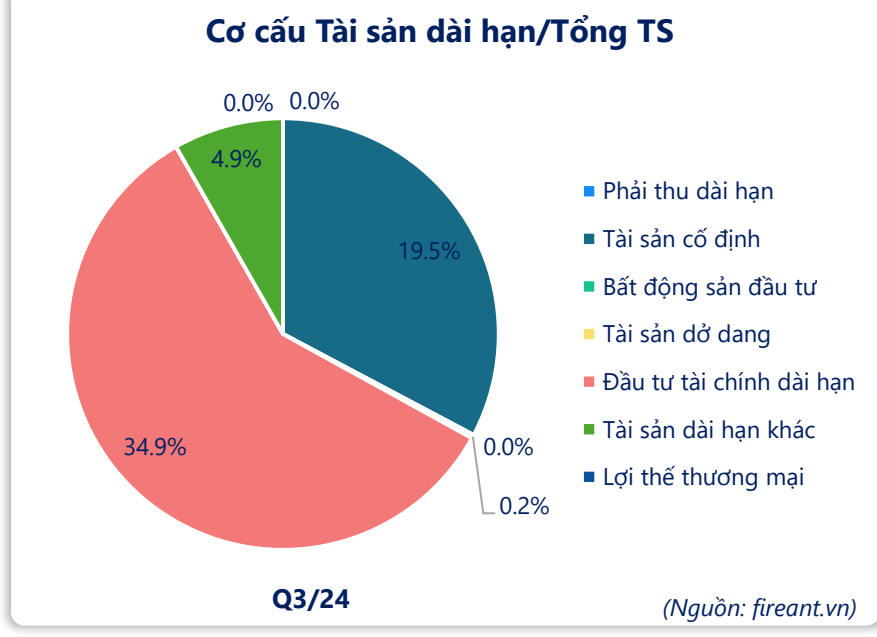
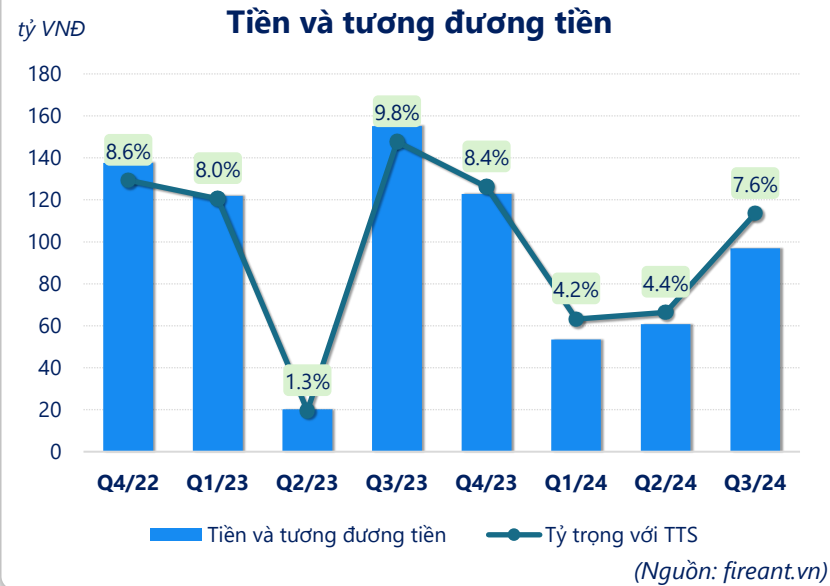
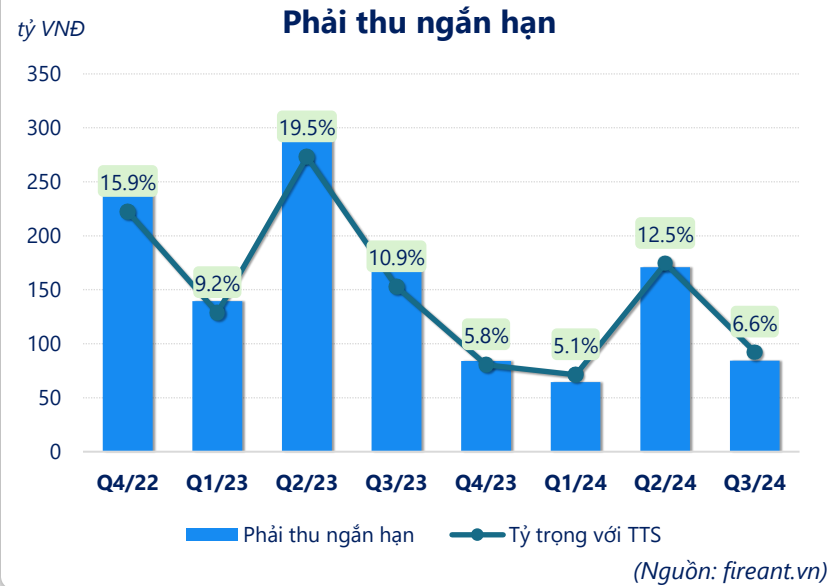
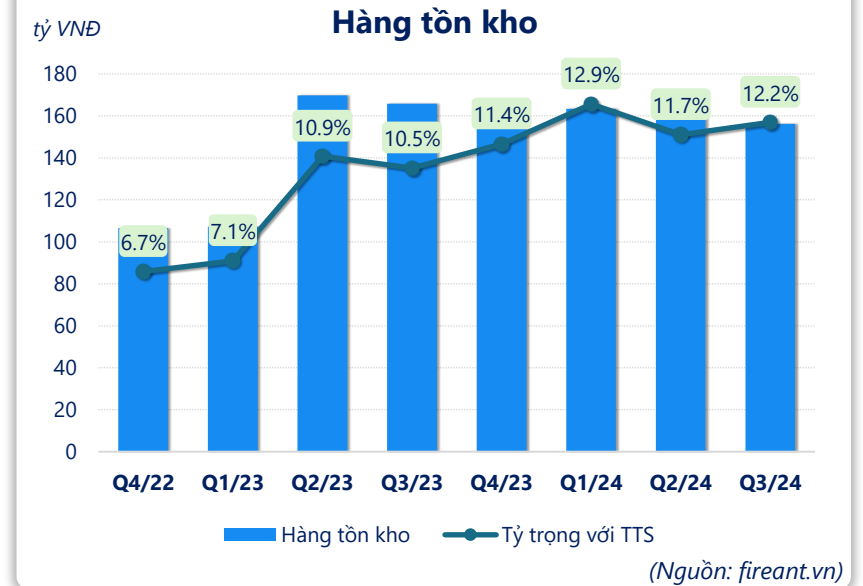
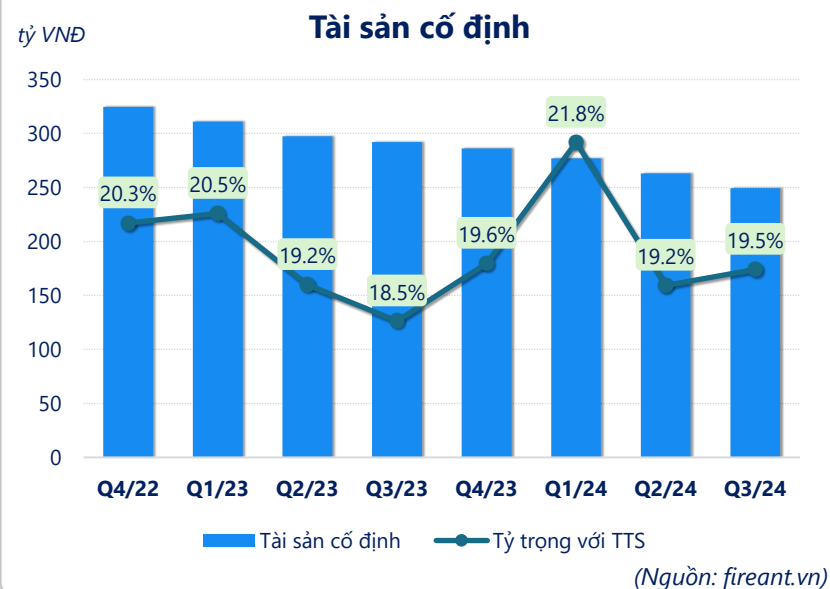
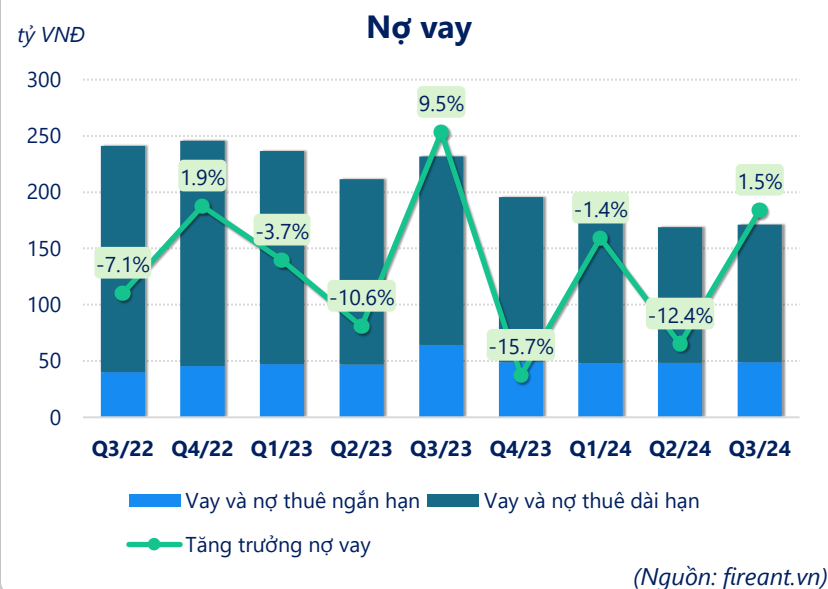
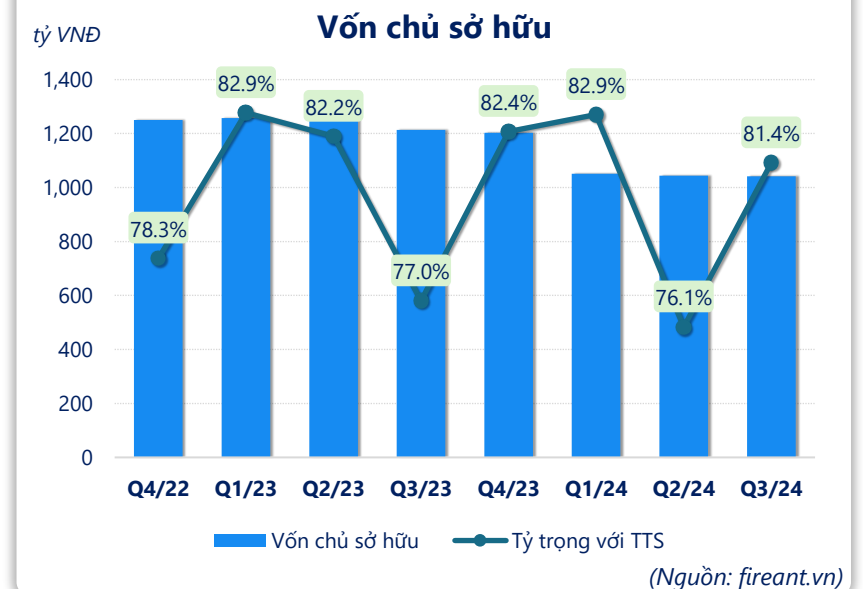
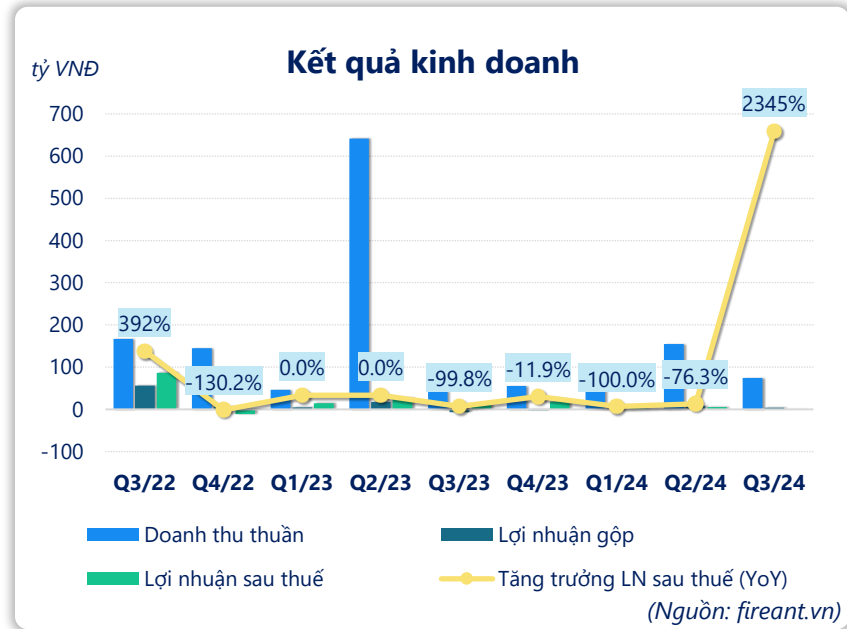
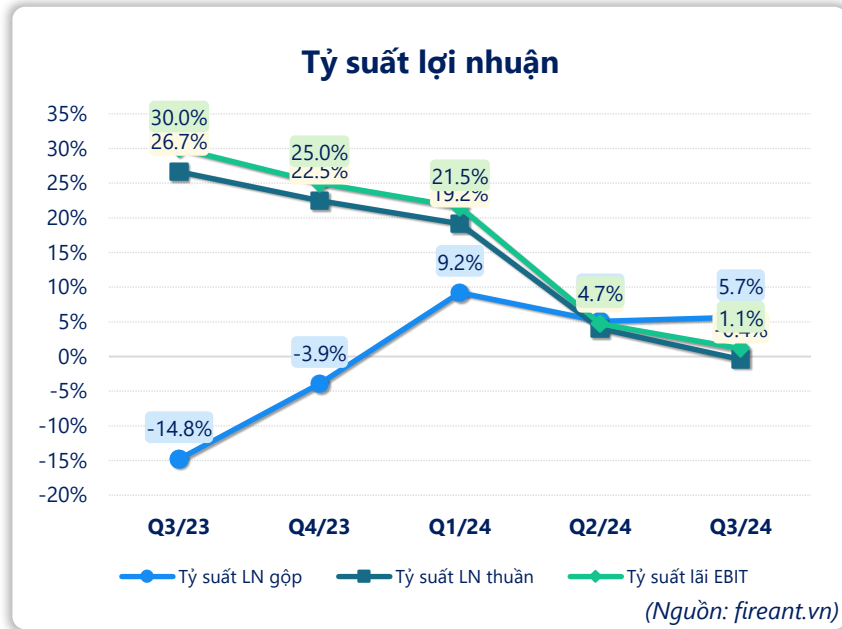
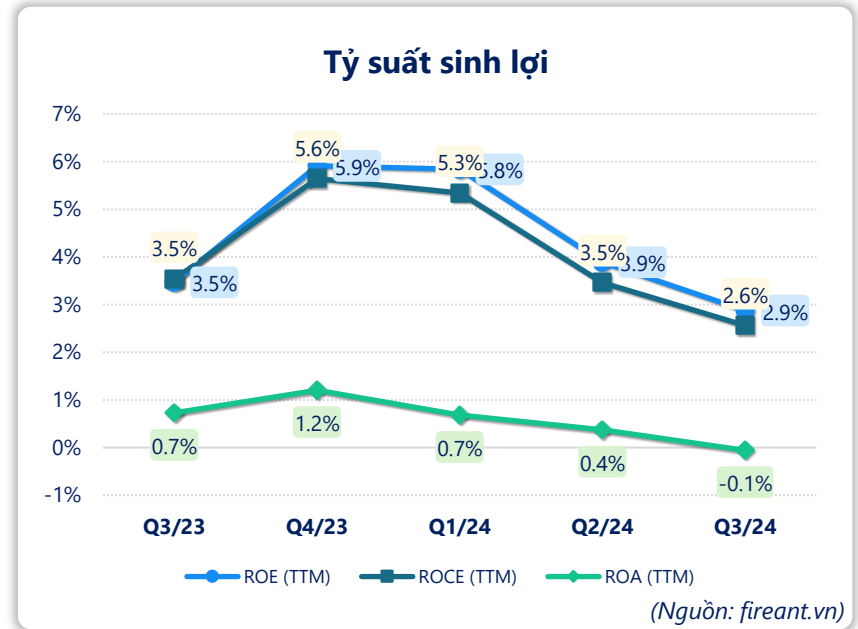
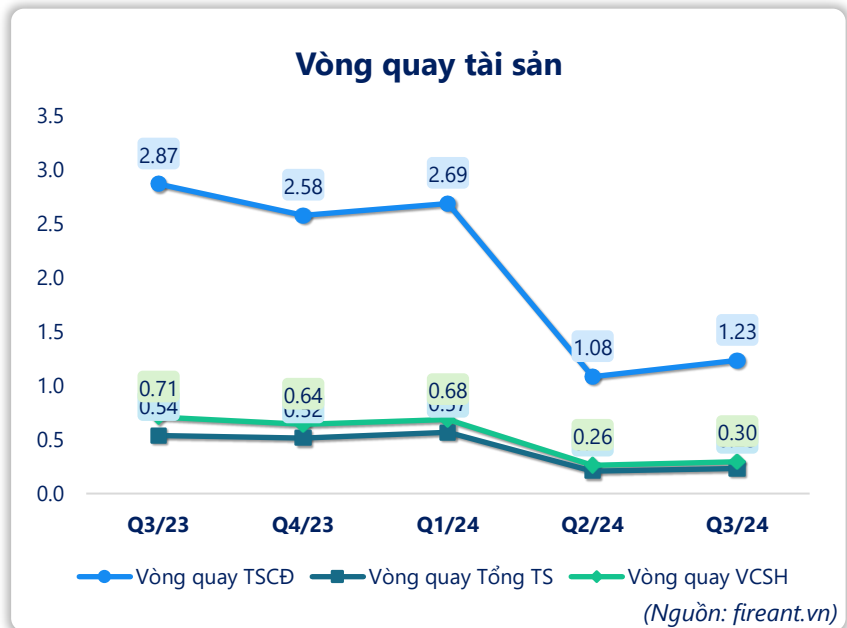
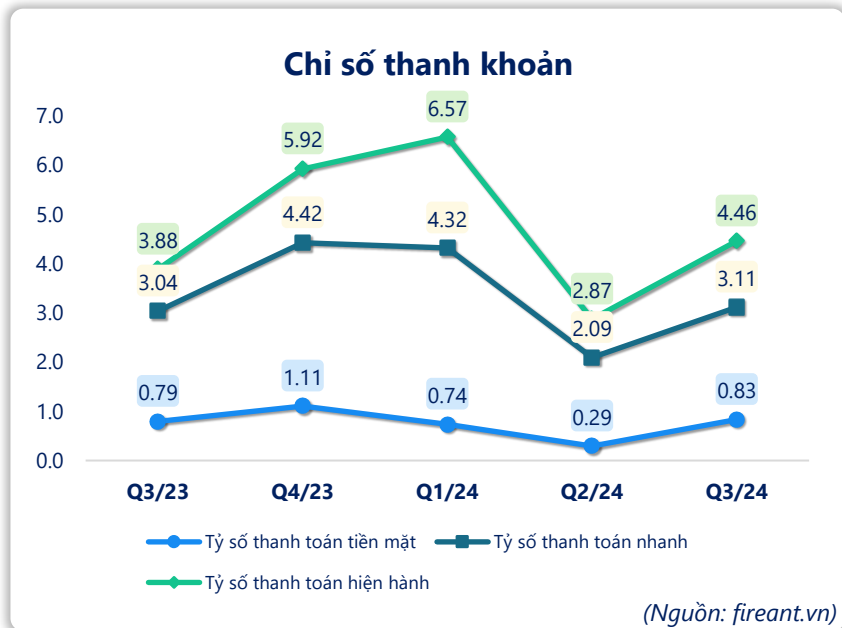
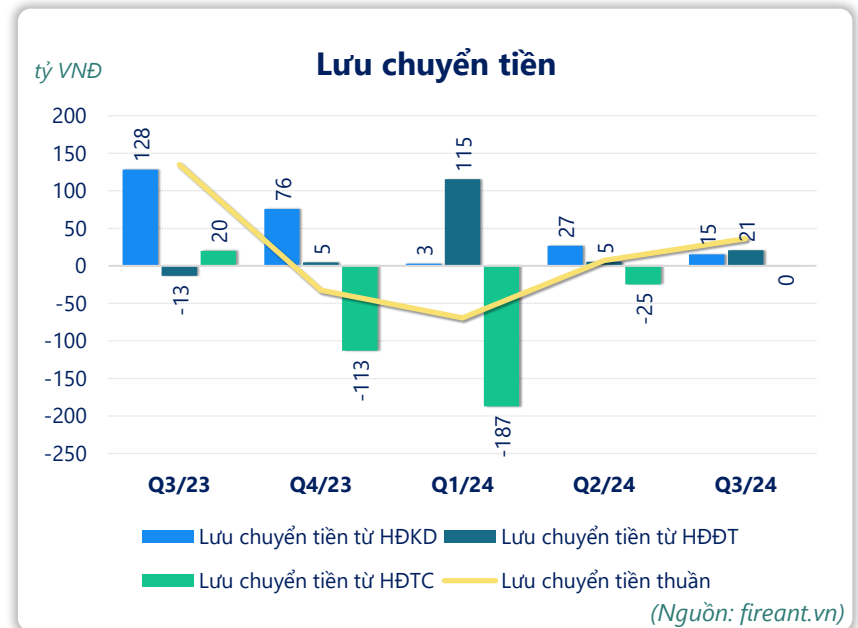


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,509
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,832
SL cổ phiếu LH		60,485,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,795
% sở hữu nước ngoài		8.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		786
P/E		24.3
EPS		536

	YTD	1T	3T	6T
BTP	-6.5%	1.9%	-5.1%	-10.6%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,280	1,457	-12.2%
Tài sản ngắn hạn	519	650	-20.2%
Tiền và tương đương tiền	96.8	123	-21.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160	255	-37.3%
Phải thu ngắn hạn	84.4	76.2	10.7%
Hàng tồn kho	156	167	-6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	29.5	-27.9%
Tài sản dài hạn	762	807	-5.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	249	291	-14.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.99	3.32	-40.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	447	447	0.0%
Tài sản dài hạn khác	62.9	66.0	-4.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	239	255	-6.5%
Nợ ngắn hạn	116	109	7.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	48.9	48.9	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.3	6.66	159%
Nợ dài hạn	122	147	-16.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	122	147	-16.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,042	1,202	-13.3%
Vốn chủ sở hữu	1,042	1,202	-13.3%
Vốn điều lệ	605	605	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	44.5	55.3	49.3	155	74.8
Giá vốn hàng bán	51.0	57.5	44.8	147	70.5
Lợi nhuận gộp	-6.57	-2.18	4.54	7.89	4.26
Doanh thu HĐTC	28.2	29.1	19.0	3.43	4.21
Chi phí TC	1.49	1.18	1.17	0.92	1.35
Chi phí lãi vay	1.49	1.18	1.17	0.92	1.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí QLDN	8.33	13.3	12.9	4.16	7.43
LN thuần từ HĐKD	11.9	12.4	9.46	6.23	-0.31
Lợi nhuận khác	0.01	0.21	0	0.09	0.00
LN trước thuế	11.9	12.7	9.46	6.33	-0.31
Lợi nhuận sau thuế	11.8	18.4	9.46	5.41	-0.83
LNST của CĐ cty mẹ	11.8	18.4	9.46	5.41	-0.83

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	128	76.0	2.81	26.7	15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.2	4.55	115	5.37	20.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.1	-113	-187	-24.8	-0.23
Tiền đầu kỳ	20.2	155	123	53.5	60.7
Lưu chuyển tiền thuần	135	-32.4	-69.3	7.26	36.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	155	123	53.5	60.7	96.8

(Nguồn: fireant.vn)